

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA CHÈ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 06- 9 - 2017  
V/v “Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA CHÈ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Thái

***Các Hội thẩm nhân:***

- Bà Lê Thị Phương.

- Bà Đỗ Thị Tho

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Vi Văn Tân -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh.

Trong các ngày 23/8 và 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 06/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2017/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Anh Triệu Quay T (Triệu Xuân T), sinh năm: 1976

Trú tại: Thôn Tàu Tiên, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

***Bị đơn:*** Chị Triệu Thị M, sinh năm: 1968

Trú tại: Thôn Tàu Tiên, xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh; Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 05/6/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Triệu Quay T trình bày:* Anh và chị M tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồn Đạc, huyện Ba Chẽ vào ngày 09 tháng 02 năm 2004. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị M thường xuyên uống rượu rồi chửi mắng anh T. Anh T cũng đã nhiều lần nhắc nhở, bỏ qua nhưng chị M vẫn không thay đổi làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc; vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa; hôn nhân không thể kéo dài. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng sống ly thân, không còn chung sống với nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nay anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không

thể hàn gắn được nữa, anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Triệu Thị M theo qui định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên là Triệu Minh H, sinh ngày 15/11/2003; hiện nay cháu H do chị M trông nom, nuôi dưỡng nên ly hôn anh T để chị M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu H đến tuổi trưởng thành; anh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M mỗi tháng là 500.000đ cho đến khi con chung trưởng thành (Đủ 18 tuổi).

Về tài sản chung và công nợ: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án:* Tòa án đã tổng đạt, niêm yết giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ nhiều lần cho bị đơn là chị Triệu Thị M nhưng chị M không đến Tòa án. Tại phiên tòa ngày 23 tháng 8 chị M vắng mặt nên phải hoãn phiên tòa theo qui định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay chị M có mặt và công nhận về điều kiện, hoàn cảnh, quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và mâu thuẫn vợ chồng giữa chị và anh T như anh T khai là hoàn toàn đúng. Ngoài ra chị M còn cho rằng anh T không chung thủy, có quan hệ ngoài luồng với người phụ nữ khác. Nhưng từ khi vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2015 đến nay, chị không có biện pháp nào cải thiện tình cảm vợ chồng với anh T và cũng không để ý anh T đi đâu, làm gì. Do vậy tại phiên tòa hôm nay chị không đồng ý ly hôn anh T vì lý do nếu ly hôn cháu H sẽ không có bố.

Về con chung: Chị M công nhận chị và anh T có một con chung tên là Triệu Minh H, sinh ngày 15/11/2003; hiện nay cháu H do chị M trông nom, nuôi dưỡng, nếu ly hôn chị sẽ tiếp tục nuôi cháu H và yêu cầu anh T để toàn bộ tài sản cho cháu H.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị M có ý kiến là anh T làm đơn ly hôn anh T phải chịu toàn bộ án phí.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh. Mặt khác, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn.

[2] *Về nội dung vụ án:*

Về hôn nhân:

Hội đồng xét xử xét thấy: Anh T và chị M tự nguyện chung sống với nhau, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã ĐồnĐặc, huyện Ba Chẽ, tỉnh Quảng Ninh và được Ủy ban cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 06/2011, quyển số:01/2004 vào ngày 09 tháng 02 năm 2004. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị M là hợp pháp.

*Xét yêu cầu của đương sự:* Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh là do chị M thường xuyên uống rượu rồi chửi mắng anh T. Anh T cũng đã nhiều lần nhắc nhở, bỏ qua nhưng chị M vẫn không thay đổi làm cho cuộc sống chung của vợ chồng không còn hạnh phúc; vợ chồng không còn tình cảm với nhau nữa; hôn nhân không thể kéo dài. Mâu thuẫn vợ chồng đã được cán bộ thôn khuyên giải nhưng không có kết quả. Từ năm 2015 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của ai nữa. Nay anh T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M, chị M không đồng ý ly hôn anh T vì lý do nếu vợ chồng ly hôn thì con chung không có bố.

Tại phiên tòa, chị M không có biện pháp gì khắc phục tình trạng mâu thuẫn tình cảm vợ chồng với anh T, cho thấy chị M cũng không mong muốn vợ chồng đoàn tụ để duy trì cuộc sống chung nên lời khai của anh T là có căn cứ. Do vậy, xét thấy tình cảm của anh T không còn với chị M, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu ly hôn chị M là có cơ sở chấp nhận.

Về con chung: Tại phiên tòa hôm nay anh T đề nghị nếu ly hôn anh giao con chung là Triệu Minh H cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng 500.000đ cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Chị M có ý kiến là ly hôn tùy anh T quyết định về con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chưa thành niên cho ai trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con. Trong vụ án này, xét thấy chị M có nhà cửa ổn định; từ khi anh T và chị M sống ly thân việc nuôi dưỡng cháu H là do chị M trực tiếp đảm nhiệm. Vì vậy, việc anh T đề nghị chị M trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có cơ sở chấp nhận và phù hợp với nguyện vọng của cháu H, cần giao cháu H cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị M mỗi tháng 500.000đ và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản chung và công nợ: Anh T và chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí:* Anh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Cho anh Triệu Quay T được ly hôn với chị Triệu Thị M.

2. Về con chung: Giao con chung Triệu Minh H, sinh ngày 15/11/2003 cho chị Triệu Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi), anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị M mỗi tháng 500.000đ kể từ tháng 9/2017 cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0001150 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Chẽ; anh T phải nộp thêm 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn, bị đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh QN;
- VKSND tỉnh QN;
- VKSND huyện Ba Chẽ;
- Chi cục THADS;
- UBND xã Đồn Đạc;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Văn Thái**